



Vào lúc 01h10' ngày 10/01/2020, Tổ tuần tra Cảnh sát giao thông Công an huyện K, tỉnh Gia Lai bắt quả tang Võ Xuân T, Võ Công T1 về hành vi vận chuyển trái phép 962 kíp nổ; 41,5 kg thuốc nổ; 05 cuộn dây nổ (mỗi cuộn dài 50 mét), xe mô tô BKS 77F1-07470, 08 mũi khoan và 40,06m dây điện.

Tại Kết luận Giám định số 72/C09 (Đ3, Đ4), ngày 15/01/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Các vật hình trụ tròn (ký hiệu M1, M2 và M3) gửi giám định đều là **kíp nổ** điện vỏ nhôm và còn sử dụng được.

01 (một) cuộn dây (ký hiệu M4) gửi giám định là **dây nổ** chịu nước và còn sử dụng được.

07 (bảy) thỏi hình trụ tròn (ký hiệu M5 và M6) gửi giám định là **thuốc nổ** (nhũ tương và Amonit), còn sử dụng được là **vật liệu nổ**

#### **Quá trình điều tra xác định được như sau:**

Ngày 29/10/2019, ông Phạm Văn M (sinh năm 1968, trú tại Tổ 5, Khu vực 8, Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định) ký kết Hợp đồng số 07/2019/HĐ-GK với Nguyễn Văn D (sinh năm 1966, trú tại Tổ 5, Khu vực 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định) về việc đập, đục đá núi tại xưởng gạch Đ tại Tổ 2, Khu vực 7, Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Sau đó, Nguyễn Văn D thuê Trần Trọng P (sinh năm 1963, trú tại Tổ 7, Khu vực 1, Phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định) nhận khoán công trình trên, nhưng P không nhận mà chỉ nhận khoán theo lỗ khoan (kích thước mỗi lỗ sâu 2m, đường kính 32mm) với giá 250.000đ/lỗ (tức nổ phá đá theo lỗ khoan). P nói do thời tiết mưa không dùng được bột nổ để tách đá nên sử dụng vật liệu nổ (kíp nổ, hỗn hợp chất gây nổ) đánh rim đá (ôm đá) sẽ hiệu quả hơn. Về quy trình kỹ thuật, vật liệu nổ P sẽ chịu trách nhiệm, D đồng ý. Sau đó, P gọi Bùi Ngọc Q (sinh năm 1984, trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định) đến làm và cùng thống nhất mua kíp nổ về sử dụng phá đá.

Do trước đó Bùi Ngọc Q có quen biết với Võ Đình L (sinh năm 1963, trú tại Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định) làm tại Mỏ đá Granit ốp lát Khu vực 1 (đóng tại Gia Lai) thuộc Công ty sản xuất đá Granit H (trụ sở: Gia Lai do ông Thân Trọng V làm Giám đốc) nên Q đã điện thoại hỏi L mua kíp nổ. L nói có 350 (ba trăm năm mươi) cái, bán với giá 18.000 đồng/kíp. P đưa Q 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) để trả tiền mua kíp nổ. Khoảng 02 ngày sau, Võ Đình L nhờ Võ Xuân T (sinh năm 1991, trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, cháu của L) mang 350 cái kíp nổ về Bình Định. L bỏ kíp nổ trong bao tải (nhỏ) và không nói cho T biết. Khi về đến nhà T điện báo cho L. Sau đó, L điện thoại cho Q đến nhà T lấy kíp nổ, còn tiền về lấy sau. Tuy nhiên, khoảng 03 ngày sau, L điện thoại nói Q đưa 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho Nguyễn Thị B (vợ L), còn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) L cho Q. Sau khi nhận tiền, B đưa số tiền này cho con gái là Võ Thị Thanh T mang đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định đưa cho L.

Sau khi mua 350 cái kíp nổ, Q đưa cho P cất để sử dụng. Để đảm bảo an toàn trong việc phá đá, D mua 01 (một) bộ kích điện và lấy 01 (một) cuộn dây dẫn điện ở nhà đưa cho P. Sau khi khoan được 12 đến 15 lỗ khoan, P trộn hỗn hợp chất (thay cho thuốc nổ) gồm: phân urê, chất diêm sinh, dầu hỏa đổ vào các lỗ khoan, gắn kíp nổ và kích nổ bằng bộ kích điện để nổ tách đá. Q làm cùng P đến giữa tháng 12/2019 thì nghỉ không làm nữa. P thuê Lê Văn U (sinh năm 1968, trú tại: tỉnh Bình Định) đến khoan lỗ đá, còn việc nổ tách đá P tự làm.

Trong quá trình sử dụng vật liệu nổ để phá đá, Nguyễn Văn D nói P cứ chủ động làm, việc đếm các lỗ khoan đã nhờ ông N (chưa xác định được nhân thân lai lịch), ông Nguyễn T (sinh năm 1953, trú tại thành phố Q, tỉnh Bình Định) kiểm đếm.

Đến đầu tháng 01/2020, P tiếp tục nhờ Q mua thêm 150 kíp nổ để phá cho xong khối đá còn lại. Q điện thoại hỏi L nhưng L nói chưa có. Khoảng 04 ngày sau, L điện thoại cho Q hỏi mượn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để trả nợ cho Nguyễn Ngọc D (Thôn Tráng L, xã N, A, Bình Định), khi nào có kíp nổ sẽ gửi về sau. Sau đó, Q đến gặp P lấy 3.000.000 đồng để trả nợ cho L.

Ngày 07/01/2020, L đưa chìa khóa kho đựng kíp nổ tại Mỏ đá Granit ốp lát Khu vực 1 cho Lê Thị Kim L (Sinh năm 1968, trú tại Gia Lai, chung sống như vợ chồng với L) và nói L lấy khoảng 700 - 800 kíp nổ để ra ngoài, khi nào có người về Bình Định thì gửi về. Sau đó, L lấy 962 (chín trăm sáu mươi hai) kíp nổ, bỏ vào bì nilon màu đen giấu dưới gầm giường trong phòng ngủ của L và L tại lán trại.

Đến khoảng 15 giờ ngày 09/01/2020, L đưa chìa khóa kho thuốc nổ cho Võ Xuân T để kiểm tra còn bao nhiêu thuốc nổ, dây nổ. T báo cho L biết số thuốc nổ còn nhiều. L nói T chuẩn bị một ít thuốc nổ để ngày hôm sau (tức ngày 10/01/2020) nổ phá đá rồi nghỉ Tết nên T đã lấy 41,5 kg thuốc nổ và 05 (năm) cuộn dây nổ bỏ chung vào 01 bao tải để cách kho khoảng 02 mét, rồi lên mỏ đá làm việc.

Đến 20 giờ 30' cùng ngày, Võ Xuân T rủ Võ Công T1 (sinh năm 1990, trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, anh ruột của T) về Bình Định. T và T1 đến gặp L xin phép và ứng tiền về quê ăn tết. Sau khi T và T1 đi ra ngoài, L nói với L “khi nào tụi nhỏ về thì gửi bì kíp nổ về dưới luôn”. Nghe vậy, L đi ra hỏi T “khi nào về thì cho Mợ gửi bì đồ về dưới đó”. Sau đó, L nói T chở số thuốc nổ lấy ra từ chiều (theo chỉ đạo của L) đem về. T đồng ý và lấy 01 (một) bao tải ra chia thuốc nổ, dây dẫn nổ làm hai phần và giấu trong bụi cây mì cách lán trại khoảng 10 mét. T vào gặp L và hỏi “bì đồ đâu Mợ”. L chỉ tay vào gầm giường. T vào phòng ngủ của L lấy bì kíp nổ mang ra gốc cây trướng cá trước lán trại. Thấy L đi đến, T hỏi “bì gì đây Mợ” L trả lời là kíp nổ, mang về đến Bình Định có người đến lấy. Sau đó, T lấy bì kíp nổ bỏ vào trong bao chứa thuốc nổ và đặt lên gác ba ga xe máy BKS 77F1-074.70. T1 từ trong lán trại đi đến, giúp T khiêng bao thuốc nổ còn lại đặt lên yên xe. T1 hỏi “cái gì đây”, T trả lời “thuốc nổ của L và L nhờ mang giúp về Bình Định”. Sau đó, T điều khiển xe máy, T1

ngồi sau ôm bao thuốc nổ đi về hướng Bình Định. Trên đường đi, T1 nói với T “Chở nhiều như thế này lỡ công an bắt thì chết hai anh em mình”, nhưng T không nói gì.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L lấy số điện thoại của Q (0916543249) và T1 (0365850940) nhắn tin hai số điện thoại để liên lạc với nhau. Đến 01 giờ 10 phút ngày 10/01/2020, T và T1 bị Công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ các vật liệu nổ trên.

Ngày 11/01/2020, ngày 13/01/2020, ngày 25/02/2020, ngày 28/02/2020 Võ Đình L, Lê Thị Kim L, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Văn D, Trần Trọng P đến Công an đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

\*Đối với hỗn hợp chất (thay cho thuốc nổ); 25 kíp nổ làm bằng diêm sinh và thuốc pháo để tiếp tục phá đá nhưng không hiệu quả): do Trần Trọng P tự chế tạo để phá đá, quá trình điều tra không thu giữ được hỗn hợp này nên không có căn cứ xác định.

\*Đối với 962 cái kíp nổ, 41,5kg thuốc nổ và 200 mét dây nổ, Võ Đình L khai nhận, tháng 01/2020, khi mua vật liệu nổ Bùi Ngọc Q không nói số lượng, chủng loại cụ thể cần mua nên L nghĩ Q làm nghề khai thác đá nên sẽ cần số vật liệu này để nên đã gửi về bán cho Q. Tuy nhiên, Q chỉ thừa nhận mua của L 150 kíp nổ. Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành đối chất, giữa L và Q kết quả các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

**Với các nội dung trên,**

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Võ Đình L phạm tội “Chiếm đoạt, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Đình L **8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Xuân T, Võ Công T1, Lê Thị Kim L, Bùi Ngọc Q, Trần Trọng P, Nguyễn Văn D; quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25/8/2020, bị cáo Võ Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không am hiểu pháp luật, lần đầu phạm tội.

Tại phiên tòa: Bị cáo Võ Đình L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận

kháng cáo của bị cáo Võ Đình L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Từ tháng 11 năm 2019 đến ngày 09/01/2020, Võ Đình L đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt và bán vật liệu nổ các loại gồm: 1.132 kíp nổ, 41,5 kg thuốc nổ và 200m dây nổ của Công ty sản xuất đá Granit H. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bị cáo Võ Đình L phạm tội: “Chiếm đoạt, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Đình L thì thấy: Bị cáo Võ Đình L đã có hành vi hành vi chiếm đoạt và bán vật liệu nổ các loại gồm: 1.132 kíp nổ, 41,5 kg thuốc nổ và 200m dây nổ. Hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến chế độ quản lý vật liệu nổ của nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội, có nguy cơ gây nguy hiểm về sức khỏe, tính mạng của người khác nên cần phải xử lý nghiêm khắc. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm 6 tháng tù là mức án đầu khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử là có căn cứ, đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với Bị cáo.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo: Võ Xuân T, Lê Thị Kim L, Bùi Ngọc Q, Trần Trọng P, Nguyễn Văn D và các quyết

định về: Trách nhiệm dân sự, Biện pháp tư pháp, Xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đình L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Đình L 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Chiếm đoạt, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày bắt chấp hành án.

3. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Đình L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo: Võ Xuân T, Lê Thị Kim L, Bùi Ngọc Q, Trần Trọng P, Nguyễn Văn D và các quyết định về: Trách nhiệm dân sự, Biện pháp tư pháp, Xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan ANĐT, Phòng HSNV - CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (thay TB kết quả xét xử);
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến**